

Bộ lọc tinh
MS9-LFM
Số bộ phận: 552940

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Dòng	MS
Kích thước	9
Cấu trúc xây dựng	Bộ lọc sợi
Độ mịn bộ lọc	0.01 µm...1 µm
Cổng xả nước ngưng tụ	hoàn toàn tự động hoàn toàn tự động, điều khiển bằng điện quét thủ công xoay thủ công bán tự động
Áp suất vận hành	0 MPA...2 MPA 0 bar...20 bar 0 psi...290 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [6:-:4]
Lượng nước ngưng tụ tối đa	225 MI
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
Hiển thị áp suất chênh lệch	Màn hình quang học
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T6 Gb X
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T60°C Db X
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	+5°C ≤ Ta ≤ +60°C

Đặc tính	Giá trị
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây với phụ kiện tùy ý:
Vị trí lắp đặt	dọc $\pm 5^\circ$
Cổng nối khí nén 1	Mô-đun pin G1/2 G3/4 G1 G1 1/4 G1 1/2 1/2 NPT 3/4 NPT 1 NPT 1 1/4 NPT 1 1/2 NPT
Cổng nối khí nén 2	Mô-đun pin G1/2 G3/4 G1 G1 1/4 G1 1/2 1/2 NPT 3/4 NPT 1 NPT 1 1/4 NPT 1 1/2 NPT